|  |
| --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**  …..………, Ngày …… tháng …… năm………. |
| **HỢP ĐỒNG CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ CHỨNG THỰC**  **CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG VNPT-CA (1)**  **Số ……………./………….…/HĐDV** **(2)** |
| * *Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;* * *Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 và các văn bản hướng dẫn thi hành;* * *[Căn cứ Luật Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 và các văn bản hướng dẫn thi hành;](https://thukyluat.vn/vb/luat-giao-dich-dien-tu-2005-51-2005-qh11-1b0a.html)* * *Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số [67/2006/QH11 và các văn bản hướng dẫn thi hành;](https://thukyluat.vn/vb/luat-cong-nghe-thong-tin-2006-67-2006-qh11-32bb.html)* * *Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;* * *Căn cứ pháp lý khác có liên quan;* * *Căn cứ vào Phiếu đề nghị cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng VNPT-CA của bên sử dụng dịch vụ.* |
| **BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ (Gọi tắt là Bên A) (3)**  **1.1. Đối với tổ chức**  Người đại diện:  Chức vụ:  (Theo giấy ủy quyền số………………………………………………………………………….)  CCCD/CMND/Hộ chiếu số:…………………Ngày cấp:…/…./…….Nơi cấp:………………...  Địa chỉ/trụ sở giao dịch:  Điện thoại:……………………………………….Website:..........................................................  Fax:  Tài khoản: ………………………………………Tại Ngân hàng:  Mã số thuế:  Các thông tin khác (nếu có):  **1.2. Đối với cá nhân**  Họ và tên:  CMND/Hộ chiếu/Căn cước công dân:………………Ngày cấp:…./…/……..Nơi cấp:………..  Địa chỉ:  Điện thoại:……………………………………..Email ....................................................  Fax:  Tài khoản:……………………….Tại Ngân hàng:  Mã số thuế:  Các thông tin khác (nếu có): |
| **BÊN CUNG CẤP DỊCH VỤ (Gọi tắt là Bên B):**  **Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng: Trung tâm kinh doanh VNPT <*tỉnh, thành phố*>/ Ban Khách hàng Tổ chức Doanh nghiệp – Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT Vinaphone) (3)** |
| (Theo giấy ủy quyền số……………………………………………… |
| Điện thoại:…………………………….……..E-mail:.…………………………Website: |
| Địa chỉ/ trụ sở giao dịch: |
| Tài khoản số:…………………………………Tại Ngân hàng: |
| Mã số thuế:. |
| **Sau khi thoả thuận, các bên thống nhất ký kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng VNPT-CA với các nội dung sau:** |
| **Điều 1**. **Phạm vi, giới hạn sử dụng**  Bên B cung cấp cho Bên A dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng và thời hạn sử dụng cụ thể trong Phiếu đề nghị cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng VNPT-CA hoặc Phiếu đề nghị gia hạn sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng VNPT-CA do Bên A yêu cầu. |
| **Điều 2.** **Mức độ bảo mật**  2.1. Hệ thống phân phối khóa cho thuê bao (Bên A) phải đảm bảo sự toàn vẹn và bảo mật của cặp khoá. Trong trường hợp phân phối khoá thông qua môi trường mạng máy tính thì hệ thống phân phối khoá phải sử dụng các giao thức bảo mật đảm bảo không lộ thông tin trên đường truyền.  2.2. Bên A có trách nhiệm lưu trữ và sử dụng khóa bí mật của mình một cách an toàn, bí mật trong suốt thời gian chứng thư số của mình có hiệu lực và bị tạm dừng. |
| **Điều 3. Điều kiện đảm bảo an toàn cho chữ ký số**  3.1. Chữ ký số được tạo ra trong thời gian chứng thư số có hiệu lực và kiểm tra được bằng khóa công khai ghi trên chứng thư số đó;  3.2. Chữ ký số được tạo ra bằng việc sử dụng khóa bí mật tương ứng với khóa công khai ghi trên chứng thư số do Bên B cấp;  3.3. Khóa bí mật chỉ thuộc sự kiểm soát của người ký tại thời điểm ký.  **Điều 4. Thanh toán chi phí dịch vụ**  Bên A thanh toán một lần cho Bên B cước phí sử dụng dịch vụ thuê bao trọn gói theo Bảng giá cước dịch vụ đính kèm. Các khoản cước phí Bên A đã thanh toán cho Bên B sẽ không được Bên B hoàn trả trong trường hợp Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng. Giá trị thanh toán theo Hợp đồng có thể bù trừ với khoản công nợ khác giữa các bên (nếu có).  **Điều 5. Tạm dừng, thu hồi chứng thư số**  **5.1. Chứng thư số của Bên A bị tạm dừng trong các trường hợp sau:**  - Khi Bên A có yêu cầu tạm dừng chứng thư số bằng văn bản và yêu cầu này được Bên B xác minh là chính xác.  - Khi Bên B có căn cứ khẳng định rằng chứng thư số được cấp cho Bên A không tuân theo các quy định của pháp luật hiện hành về chứng thư số hoặc khi phát hiện ra bất cứ sai sót nào có ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên A và người nhận trong quá trình sử dụng dịch vụ.  - Khi có yêu cầu tư Cơ quan tiến hành tố tụng, Cơ quan công an hoặc Bộ Thông tin và Truyền thông.  - Khi Bên A vi phạm các nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng. Trong trường hợp này, dịch vụ chỉ được khôi phục sau khi Bên A chấm dứt hành vi vi phạm, nộp đầy đủ các khoản phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của Bên B.  Khi có căn cứ tạm dừng chứng thư số, Bên B phải tiến hành tạm dừng, đồng thời, thông báo ngay cho Bên A và công bố trên cơ sở dữ liệu về chứng thư số việc tạm dừng, thời gian bắt đầu và kết thúc việc tạm dừng.  Khi không còn căn cứ để tạm dừng hoặc thời hạn tạm dừng theo yêu cầu đã hết, Bên B sẽ phục hồi chứng thư số cho Bên A tiếp tục sử dụng theo đúng quy định pháp luật.  **5.2. Chứng thư số của Bên A bị thu hồi trong các trường hợp sau:**  - Khi Bên A có yêu cầu thu hồi chứng thư số bằng văn bản và yêu cầu này được Bên B xác minh là chính xác.  - Khi Bên A là cá nhân đã chết hoặc mất tích theo tuyên bố của tòa án hoặc Bên A là tổ chức giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật.  - Khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, Cơ quan công an hoặc Bộ Thông tin và Truyền thông.  - Khi Bên A vi phạm các nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng, đã được Bên B thông báo bằng văn bản ít nhất 03 lần nhưng Bên A không khắc phục được hậu quả.  Khi có căn cứ thu hồi chứng thư số, Bên B sẽ thu hồi chứng thư số của Bên A, đồng thời, thông báo ngay cho Bên A và công bố trên cơ sở dữ liệu về chứng thư số việc thu hồi này.  **Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**  6.1 Bên A nhận thức đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi thực hiện giao dịch sử dụng dịch vụ của Bên B, đồng thời chịu trách nhiệm bảo đảm sự an toàn trong lưu trữ và sử dụng khóa bí mật.  6.2. Bên A có nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định một cách trung thực, chính xác cho Bên B. Bên A tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và thiệt hại xảy ra nếu vi phạm quy định này. Trường hợp có sự thay đổi về các thông tin này phải thông báo ngay cho Bên B để thay đổi thông tin chứng thư của Bên A.  6.3 Bên A có quyền yêu cầu Bên B về việc gia hạn chứng thư số; thay đổi cặp khóa thuê bao; tạm dừng hoặc thu hồi chứng thư số đã cấp của Bên A bằng Phiếu đề nghị hoặc Văn bản và tự chịu trách nhiệm về yêu cầu đó.  6.4 Trường hợp Bên A tự tạo cặp khóa cho mình, Bên A phải đảm bảo thiết bị tạo cặp khóa sử dụng đúng quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn bắt buộc áp dụng. Trừ trường hợp Bên A thuê thiết bị tạo cặp khóa của Bên B.  6.5 Thông báo trong thời gian 24 giờ cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số của mình nếu phát hiện thấy dấu hiệu khóa bí mật của mình đã bị lộ, bị đánh cắp hoặc sử dụng trái phép để có các biện pháp xử lý.  6.6 Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mục đích sử dụng chứng thư số cũng như mọi thiệt hại xảy ra do lỗi Bên A trong việc sử dụng/quản lý khóa bí mật và thiết bị lưu trữ chứng thư số.  **Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên B.**  7.1 Bên B đảm bảo cung cấp cho bên A dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng sau khi kiểm tra thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp chứng thư số của Bên A là chính xác;  7.2 Bên B đảm bảo cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số cho Bên A đáp ứng các điều kiện an toàn cho chữ ký số theo Quy định tại Điều 9 Nghị định số 130/2018/NĐ-CP;  7.3 Bên B đảm bảo điều kiện để Bên A có thể tự tạo cặp khóa hoặc yêu cầu Bên B tạo cặp khóa cho Bên A bằng Phiếu đề nghị hoặc Văn bản.  7.4 Bên B đảm bảo sử dụng các phương thức an toàn để chuyển giao khóa bí mật đến Bên A và chỉ được lưu bản sao của khóa bí mật khi Bên A có yêu cầu bằng Phiếu đề nghị hoặc Văn bản.  7.5 Bên B có trách nhiệm đảm bảo an toàn trong suốt quá trình tạo và chuyển giao chứng thư số cho Bên A.  7.6 Bên B có trách nhiệm sử dụng thiết bị, phần mềm theo đúng tiêu chuẩn quy định để khởi tạo và lưu trữ cặp khóa của Bên A. |
| 7.7 Bên B đảm bảo việc sử dụng dịch vụ của Bên A liên tục, không bị gián đoạn trong suốt thời gian hiệu lực của chứng thư số và việc kiểm tra trạng thái chứng thư số của Bên A là liên tục. |
| 7.8 Bên B có trách nhiệm giải quyết các rủi ro và đền bù thiệt hại xảy ra cho thuê bao và người nhận trong trường hợp lỗi được xác định của Bên B. |
| 7.9 Bên B có trách nhiệm đảm bảo an toàn thông tin riêng, thông tin cá nhân và thiết bị lưu trữ chứng thư số cho Bên A theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin và pháp luật khác có liên quan. |
| 7.10 Bên B đảm bảo kênh tiếp nhận thông tin hoạt động 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần từ Bên A liên quan đến việc sử dụng chứng thư số.  7.11 Bên B phải thông báo ngay cho Bên A, đồng thời áp dụng những biện pháp ngăn chặn và khắc phục kịp thời trong trường hợp phát hiện thấy dấu hiệu khóa bí mật của Bên A đã bị lộ, không còn toàn vẹn hoặc bất cứ sự sai sót nào khác có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến quyền lợi của Bên A.  7.12 Bên B có trách nhiệm khuyến cáo cho Bên A việc thay đổi cặp khóa khi cần thiết nhằm đảm bảo tính tin cậy và an toàn cao nhất cho cặp khóa của Bên A.  7.13 Trong thời gian tạm dừng, Bên B có trách nhiệm duy trì hệ thống cơ sở dữ liệu liên quan đến chứng thư số đã cấp cho Bên A.  7.14 Khi bị thu hồi giấy phép, Bên B phải thông báo ngay cho A về việc ngừng cung cấp dịch vụ của mình và thông tin về tổ chức tiếp nhận cơ sở dữ liệu của mình để đảm bảo quyền lợi sử dụng dịch vụ của Bên A. |
| 7.15 Bên B sẽ bàn giao chứng thư số cho Bên A trong thời gian không quá 03 ngày làm việc (ngày làm việcđược hiểu là những ngày từ thứ 2 đến thứ 6, trừ ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của Nhà nước Việt Nam) kể từ khi hai bên ký kết hợp đồng và Bên A hoàn thành trách nhiệm thanh toán các khoản phí cho Bên B. |
| 7.16 Sau khi nhận được xác nhận tính chính xác của thông tin trên chứng thư số do Bên A xác nhận, trong vòng 24 giờ Bên B công bố chứng thư số đã cấp cho thuê bao trên hệ thống cơ dữ dữ liệu về chứng thư số của VNPT và thông báo cho Bên A chính thức sử dụng dịch vụ. |
| 7.17 Bên B có trách nhiệm thực hiện gia hạn chứng thư số; thay đổi cặp khóa thuê bao; tạm dừng hoặc thu hồi chứng thư số của Bên A nếu Bên A có yêu cầu bằng Phiếu đề nghị hoặc Văn bản. |
| **Điều 8. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng**  Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và có thời hạn đến khi chứng thư số cấp cho Bên A hết hiệu lực sử dụng. |
| **Điều 9. Chấm dứt và thanh lý hợp đồng**  9.1. Chấm dứt Hợp đồng: Hợp đồng được chấm dứt trong các trường hợp sau đây:  - Hết thời hạn hiệu lực của Hợp đồng quy định tại Điều 8;  - Khi thuê bao là cá nhân đã chết hoặc mất tích theo tuyên bố của tòa án hoặc thuê bao là tổ chức giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;  - Khi có yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan công an hoặc Bộ Thông tin và Truyền thông. |
| 9.2 Thanh lý Hợp đồng: Hợp đồng được coi như là tự động thanh lý khi chấm dứt hợp đồng mà hai bên không xảy ra tranh chấp. |
| **Điều 10. Thủ tục khiếu nại và giải quyết tranh chấp**  10.1 Bên A có quyền khiếu nại tới Bên B về giá cước, chất lượng dịch vụ của Bên B. Bên B có trách nhiệm giải quyết khiếu nại của Bên A theo quy định của Bên B, Tổng công ty Dịch vụ Viễn thông, Tập đoàn VNPT, Bộ Thông tin và Truyền thông và tuân thủ quy định của pháp luật.  10.2 Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này ưu tiên các bên giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải. Trong trường hợp các bên không thể thương lượng, hòa giải được với nhau thì tranh chấp sẽ được giải quyết tại Toà án, nơi Bên B đặt trụ sở giao dịch chính. Phán quyết của Toà án là cuối cùng và các bên phải có nghĩa vụ thi hành. Mọi chi phí phát sinh bên thua kiện chịu. |
| **Điều 11. Thông báo**  11.1. Các bên có trách nhiệm thông báo cho bên còn lại về đầu mối có thẩm quyền liên hệ công việc liên quan đến Hợp đồng này.  11.2. Mọi thông báo, yêu cầu, đề nghị hoặc hình thức truyền đạt thông tin khác của một bên liên quan đến Hợp đồng (“Thông báo”) chỉ có giá trị pháp lý với bên còn lại khi thể hiện bằng văn bản và chuyển cho bên còn lại theo một trong các hình thức: văn bản trao tay/thư bảo đảm (văn bản giấy), fax hoặc hình thức điện tử khác (email/zalo/viber/skype/…) của người có thẩm quyền. Bên thông báo theo hình thức điện tử phải cung cấp văn bản giấy cho Bên nhận thông báo ngay sau đó để xác thực thông tin.  11.3. Trường hợp các bên gửi nhiều thông báo, thông báo cuối cùng theo thời gian sẽ được áp dụng. Nếu thông báo nhận được cùng thời gian sẽ áp dụng theo thứ tự ưu tiên: hình thức điện tử, fax, văn bản trao tay/thư bảo đảm.  11.4. Mỗi bên sẽ thông báo cho bên kia về bất kỳ thay đổi nào đối với đầu mối liên hệ, địa chỉ, số điện thoại, email, hình thức liên hệ điện tử khác của mình. Bên B được loại trừ mọi trách nhiệm trong trường hợp không thể thông báo, liên lạc với các đầu mối có thẩm quyền của Bên A.  **Điều 12. Điều khoản thực hiện**  12.1 Các bên cam kết thực hiện nghiêm túc các quy định trong hợp đồng này trên tinh thần thiện chí, hợp tác, trung thực và cùng có lợi;  12.2 Mọi sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này đều phải được các bên nhất trí và lập thành phụ lục bổ sung hợp đồng;  12.3 Hợp đồng được lập làm thành 03 (ba) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 02 bản. |
| |  |  | | --- | --- | | **BÊN A (4)**  *(Ký tên, đóng dấu nếu là pháp nhân tổ chức/*  *Ký tên, ghi rõ họ tên nếu là cá nhân)* | **BÊN B (4)**  *(Ký tên, đóng dấu)* | |

***Ghi chú: Mẫu 07 sử dụng cho dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng VNPT-CA***

1. **Cách thể hiện tên Hợp đồng (chữ in, đứng, đậm): HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ.....**
2. **Cách thể hiện số Hợp đồng (chữ thường, đứng, đậm):**

Ví dụ: “**Số: 160801-..../VNPT VNP-KHDN-DN/HĐ VNPT-CA”**

* + - * “Năm”: chỉ ghi 2 số cuối của năm làm Hợp đồng (ví dụ: 16)
      * “Tháng”: ghi 2 số (ví dụ tháng 8: 08)
      * “Ngày”: ghi 2 số (ví dụ: 01)
      * “-…”: Số thứ tự của HĐ cấp trong ngày (ví dụ: -01)
      * “tên tắt đơn vị ban hành văn bản”: các đơn vị ghi tên tắt của đơn vị khi ban hành VB (ví dụ: KHDN hoặc TTHTBHMN hoặc TTKDVPC)
      * “tên tắt đơn vị soạn thảo văn bản”: các đơn vị ghi tên tắt của đơn vị khi soạn thảo VB (ví dụ: BĐTW hoặc PKHTCDN)
      * “tên tắt dịch vụ cung cấp cho khách hàng”: các đơn vị ghi tên tắt của dịch vụ cung cấp cho khách hàng.

1. **Thông tin của các bên tham gia ký kết Hợp đồng:**

- Tên của Bên sử dụng dịch vụ và bên cung cấp dịch vụ (chữ in, đứng, đậm): các đơn vị ghi đầy đủ, chính xác tên của các bên theo giấy phép Đăng ký kinh doanh **(ví dụ: BAN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC DOANH NGHIỆP – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY DỊCH VỤ VIỄN THÔNG**)

- Địa chỉ: ghi đầy đủ chính xác theo giấy phép Đăng ký kinh doanh

- Tài khoản: Ghi đầy đủ tài khoản, ngân hàng của các bên ( đối với bên cung cấp dịch vụ là tài khoản thu)

- Mã số thuế: ghi đầy đủ chính xác theo giấy phép Đăng ký kinh doanh

- Người đại diện: Ghi danh xưng và họ tên của người ký văn bản (ví dụ: Ông Đinh Đức Thụ)

- Chức vụ: Ghi rõ chức vụ của người ký văn bản (ví dụ: Phó Giám đốc).

- Theo Giấy ủy quyền…….: Trường hợp không phải người đứng đầu chi nhánh/tổ chức/doanh nghiệp ký thì cần có thêm thông tin giấy ủy quyền của người đứng đầu chi nhánh cho người ký văn bản (ví dụ: Theo giấy ủy quyền số 848/GUQ-KHDN-TH ngày 11 tháng 04 năm 2016 của Giám đốc cho Phó Giám đốc)

**(4) Ghi quyền hạn, chức vụ của người ký (chữ in hoa, đứng, đậm)**

Trường hợp Phó Tổng Giám đốc ký thay thì ghi: **KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**\*Lưu ý khác:**

**-** Các đơn vị khi đi bán hàng tùy theo nhu cầu của Khách hàng mà sử dụng các Phụ lục Hợp đồng theo từng dịch vụ cho phù hợp, chi tiết như sau:

* Phụ lục 01-A: PHIẾU ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG VNPT-CA DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN;
* Phụ lục 01-B:PHIẾU ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG VNPT-CA DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN THUỘC TỔ CHỨC – DOANH NGHIỆP;
* Phụ lục 01-C:PHIẾU ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG VNPT-CA DÀNH CHO KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC – DOANH NGHIỆP**.**

- Đối với giấy ủy quyền thì phải kiểm tra các thông tin sau: Thông tin của người ủy quyền và người được ủy quyền; thẩm quyền, phạm vi của người được ủy quyền; thời hạn của giấy ủy quyền,..

**PHỤ LỤC 01-A**

**PHIẾU ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG VNPT-CA DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN**

*(Kèm theo Hợp đồng số:……………./……………/HĐDV)*

|  |  |
| --- | --- |
| **A. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG ĐĂNG KÝ** | |
| Họ và tên Ông/Bà (chữ in hoa): | |
| CCCD/CMND/Hộ chiếu số:……….…………………Ngày cấp:……/……/…...Nơi cấp: | |
| Điện thoại:……………………….…………………….…...E-mail:.…………………………….. | |
| Địa chỉ thường trú: | |
| **B. THÔNG TIN DỊCH VỤ YÊU CẦU** | |
| **Độ dài khóa**:  1024 bit  2048 bit  Khác: ……. | |
| **Tạo cặp khóa và CSR**:  VNPT  Tự tạo (Kèm Biên bản tạo khóa và CSR) | |
| **Gói dịch vụ đăng ký**:  12 Tháng  24 Tháng  36 Tháng  ….… Tháng | |
| **Phí thuê bao dịch vụ VNPT-CA** *(Đã bao gồm thuế VAT)* |  |
| **Phí thiết bị Token nếu có** *(Đã bao gồm thuế VAT)* |  |
| **Tổng cộng** *(Đã bao gồm thuế VAT)* |  |
| **Số tiền thanh toán** *(bằng chữ)***:** | |
| **C. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN** | |
| **Tiền mặt** | **Chuyển khoản** |
| **Số tài khoản nhận:**  **Tên chủ tài khoản:** Trung tâm kinh doanh VNPT……………….…….- Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông  **Mở tại:** | |
| **D. HỒ SƠ KÈM THEO** *(bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu)* | |
| Bản sao CCCD/CMND/ Hộ chiếu | |
| Giấy tờ khác *(nếu có)* | |
| ***Cá nhân/ Tổ chức, doanh nghiệp cam kết các thông tin trong phiếu đề nghị cung cấp dịch vụ và hồ sơ kèm theo là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các thông tin này.*** | |
|  | *……..., Ngày tháng năm 202...* |
| **ĐẠI DIỆN BÊN A**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* | **ĐẠI DIỆN BÊN B**  *(Ký tên, đóng dấu)* |
| **THÔNG TIN TIẾP NHẬN HỒ SƠ:**  *(Nhập đầy đủ thông tin tiếp nhận)*  Ngày tiếp nhận: ………….…………………………..…  Đơn vị tiếp nhận:…………………………………..…..  Họ tên người nhận:………….…………………..……...  Ký tên:…………………………………………………. |  |

**PHỤ LỤC 01-B:**

**PHIẾU ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG VNPT-CA DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN THUỘC TỔ CHỨC – DOANH NGHIỆP**

*(Kèm theo Hợp đồng số:……………./……………/HĐDV)*

|  |  |
| --- | --- |
| **A. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG ĐĂNG KÝ** | |
| Tên pháp nhân tổ chức/ cá nhân: | |
| Đại diện pháp nhân là Ông/Bà (chữ in hoa):……….……..….………………Chức vụ: …………  Giấy ủy quyền số: ..................................................................................................................…........ | |
| CCCD/CMND/Hộ chiếu số:……….…………………Ngày cấp:……/……/…...Nơi cấp: | |
| Điện thoại: E-mail: Website: | |
| Địa chỉ thường trú: | |
| Địa chỉ/ trụ sở giao dịch: | |
| Tài khoản số: Tại Ngân hàng: | |
| Mã số thuế: | |
| **B. THÔNG TIN KHỞI TẠO CHỨNG THƯ SỐ:** | |
| Họ và tên: | Chức vụ: |
| CCCD/CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp:…./…/….... Nơi cấp: | |
| **C. THÔNG TIN DỊCH VỤ YÊU CẦU** | |
| **Độ dài khóa**:  1024 bit  2048 bit  Khác: ……. | |
| **Tạo cặp khóa và CSR**:  VNPT  Tự tạo (Kèm Biên bản tạo khóa và CSR) | |
| **Gói dịch vụ đăng ký**:  12 Tháng  24 Tháng  36 Tháng  ….… Tháng | |
| **Phí thuê bao dịch vụ VNPT-CA** *(Đã bao gồm thuế VAT)* |  |
| **Phí thiết bị Token nếu có** *(Đã bao gồm thuế VAT)* |  |
| **Tổng cộng** *(Đã bao gồm thuế VAT)* |  |
| **Số tiền thanh toán** *(bằng chữ)***:** | |
| **D. THÔNG TIN LIÊN HỆ:** | |
| Họ và tên: | Chức vụ: |
| Điện thoại: | Email: |
| **E. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN** | |
| **Tiền mặt** | **Chuyển khoản** |
| **Số tài khoản nhận:**  **Tên chủ tài khoản:** Trung tâm kinh doanh VNPT……………….…….- Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông  **Mở tại:** | |
| **F. HỒ SƠ KÈM THEO** *(bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu)* | |
| Bản sao CCCD/CMND/ Hộ chiếu người được tạo Chứng thư số. | |
| Bản sao CCCD/CMND/ Hộ chiếu đại diện pháp nhân | |
| Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định quy định về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức/ Giấy chứng nhận đầu tư. | |
| Giấy tờ khác *(nếu có)*: | |
| ***Cá nhân/ Tổ chức, doanh nghiệp cam kết các thông tin trong phiếu đề nghị cung cấp dịch vụ và hồ sơ kèm theo là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các thông tin này.*** | |
|  | *……………..., Ngày tháng năm 202..* |
| **ĐẠI DIỆN BÊN A**  *(Ký tên, đóng dấu)* | **ĐẠI DIỆN BÊN B**  *(Ký tên, đóng dấu)* |
| **THÔNG TIN TIẾP NHẬN HỒ SƠ:**  *(Nhập đầy đủ thông tin tiếp nhận)*  Ngày tiếp nhận: ………….……………………  Đơn vị tiếp nhận:………………………………  Họ tên người nhận:………….…………………  Ký tên:………………………………………… | **XÁC NHẬN CỦA CÁ NHÂN**  **THUỘC TỔ CHỨC – DOANH NGHIỆP**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

**PHỤ LỤC 01-C:**

**PHIẾU ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỨNG THỰC CHỮ KÝ SỐ CÔNG CỘNG VNPT-CA DÀNH CHO KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC – DOANH NGHIỆP**

*(Kèm theo Hợp đồng số:……………./……………/HĐDV)*

|  |  |
| --- | --- |
| **A. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG ĐĂNG KÝ** | |
| Tên pháp nhân tổ chức/ cá nhân: | |
| Đại diện pháp nhân là Ông/Bà (chữ in hoa):……….…………….…………Chức vụ: ……….…  Giấy ủy quyền số: ....................................................................................................................…..... | |
| CCCD/CMND/Hộ chiếu số: Ngày cấp:…../…./…....Nơi cấp: | |
| Điện thoại: E-mail: Website: | |
| Địa chỉ thường trú: | |
| Địa chỉ/ trụ sở giao dịch: | |
| Tài khoản số: Tại Ngân hàng: | |
| Mã số thuế:. | |
| **B. THÔNG TIN DỊCH VỤ YÊU CẦU** | |
| **Độ dài khóa**:  1024 bit  2048 bit  Khác: ……. | |
| **Tạo cặp khóa và CSR**:  VNPT  Tự tạo (Kèm Biên bản tạo khóa và yêu cầu ký chứng thư) | |
| **Gói dịch vụ đăng ký**:  12 Tháng  24 Tháng  36 Tháng  ….… Tháng | |
| **Phí thuê bao dịch vụ VNPT-CA** *(Đã bao gồm thuế VAT)* |  |
| **Phí thiết bị Token nếu có** *(Đã bao gồm thuế VAT)* |  |
| **Tổng cộng** *(Đã bao gồm thuế VAT)* |  |
| **Số tiền thanh toán** *(bằng chữ)***:** | |
| **C. THÔNG TIN LIÊN HỆ** | |
| Họ và tên: | Chức vụ: |
| Điện thoại: | Email: |
| **D. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN** | |
| **Tiền mặt** | **Chuyển khoản** |
| **Số tài khoản nhận:**  **Tên chủ tài khoản:** Trung tâm kinh doanh VNPT……………….…….- Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông  **Mở tại:** | |
| **E. HỒ SƠ KÈM THEO** *(bản sao từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu)* | |
| Bản sao CCCD/CMND/ Hộ chiếu đại diện pháp nhân | |
| Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định quy định về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức/Giấy chứng nhận đầu tư. | |
| Giấy tờ khác *(nếu có)*: | |
| ***Cá nhân/ Tổ chức, doanh nghiệp cam kết các thông tin trong phiếu đề nghị cung cấp dịch vụ và hồ sơ kèm theo là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với các thông tin này.*** | |
|  | *………..., Ngày tháng năm 202…* |
| **ĐẠI DIỆN BÊN A**  *(Ký tên, đóng dấu)* | **ĐẠI DIỆN BÊN B**  *(Ký tên, đóng dấu)* |
| **THÔNG TIN TIẾP NHẬN HỒ SƠ:**  *(Nhập đầy đủ thông tin tiếp nhận)*  Ngày tiếp nhận: ………….…………………………..…  Đơn vị tiếp nhận:……………………………………….  Họ tên người nhận:………….…………………..……...  Ký tên:…………………………………………………. |  |